

Số: **238**/QĐ-UBND

Ninh Thuận, ngày **12** tháng 02 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc thành lập Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo cải cách hành chính
và nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh tỉnh Ninh Thuận**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2011 của Chính phủ về Chương trình cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020;

Căn cứ Quyết định số 2948/QĐ-BNV ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ phê duyệt Đề án “Xác định Chỉ số cải cách hành chính của các Bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương”;

Căn cứ Quyết định số 22/QĐ-BNV ngày 05 tháng 01 năm 2018 của Bộ Nội vụ ban hành Kế hoạch triển khai xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2017 của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Quyết định số 1970/QĐ-UBND ngày 08/8/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thành lập Ban chỉ đạo cải cách hành chính và nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh tỉnh Ninh Thuận;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 390/TTr-SNV ngày 06 tháng 02 năm 2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo cải cách hành chính và nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh tỉnh Ninh Thuận (sau đây gọi tắt là Tổ giúp việc), gồm các thành viên sau:

1. Tổ trưởng: Giám đốc Sở Nội vụ.

2. Tổ phó:

- Phó Giám đốc Sở Nội vụ: Tổ phó thường trực;

- Đại diện lãnh đạo Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh;

- Đại diện lãnh đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư.

3. Các thành viên là đại diện lãnh đạo các cơ quan, đơn vị phụ trách lĩnh vực liên quan:

- Đại diện lãnh đạo Sở Tư pháp;

- Đại diện lãnh đạo Sở Thông tin và Truyền thông;

- Đại diện lãnh đạo Sở Tài chính;

- Đại diện lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ;

4. Thư ký: Đại diện Phòng Cải cách hành chính thuộc Sở Nội vụ.

Điều 2. Tổ giúp việc có nhiệm vụ:

1. Hàng năm, tổ chức đánh giá, chấm điểm tiêu chí, tiêu chí thành phần Chỉ số cải cách hành chính của tỉnh trong phạm vi trách nhiệm của ngành, lĩnh vực phụ trách; tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đánh giá, chấm điểm tiêu chí, tiêu chí thành phần Chỉ số cải cách hành chính của tỉnh theo Kế hoạch của Bộ Nội vụ quy định.

2. Thẩm định, đánh giá, phân loại kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính hằng năm đối với các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố theo Bộ tiêu chí do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

3. Tiến hành kiểm tra công tác cải cách hành chính hằng năm đối với các cơ quan, đơn vị, địa phương theo Kế hoạch được Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

4. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và Ban chỉ đạo cải cách hành chính và nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh tỉnh phân công.

5. Kinh phí hoạt động của Tổ giúp việc do ngân sách tỉnh đảm bảo và được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 172/2012/TT-BTC ngày 22/10/2012 của Bộ Tài chính về quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí đảm bảo công tác cải cách hành chính nhà nước.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm:

a) Cử nhân sự tham gia Tổ Thẩm định gửi Sở Nội vụ tổng hợp theo đúng thành phần quy định tại Điều 1 Quyết định này.

b) Chấm điểm và cung cấp tài liệu kiểm chứng đối với các chỉ số thành phần do cơ quan, đơn vị phụ trách (theo phụ lục đính kèm Quyết định này); gửi Sở Nội vụ tổng hợp.

c) Thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính hằng năm đối với các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố theo lĩnh vực phụ trách được phân công.

d) Tham gia kiểm tra công tác cải cách hành chính theo Kế hoạch được Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành; báo cáo kết quả kiểm tra về cơ quan thường trực để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Sở Nội vụ (cơ quan thường trực Tổ giúp việc) có trách nhiệm:

a) Tổng hợp danh sách thành viên Tổ giúp việc, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

b) Xây dựng Kế hoạch triển khai Tổ chức đánh giá và tự đánh giá Chỉ số cải cách hành chính của tỉnh; tổng hợp kết quả tự chấm điểm gửi Bộ Nội vụ theo quy định.

c) Phối hợp với Bưu điện tỉnh triển khai thực hiện công tác điều tra xã hội học theo đúng tiến độ.

d) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện thẩm định, đánh giá, phân loại kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính hằng năm đối với các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; báo cáo kết quả về Ủy ban nhân dân tỉnh.

đ) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch kiểm tra và tổ chức kiểm tra công tác cải cách hành chính hằng năm đối với các cơ quan, đơn vị, địa phương; báo cáo kết quả về Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành và bãi bỏ Quyết định số 775/QĐ-UBND ngày 09/4/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thành lập Tổ thẩm định Chỉ số cải cách hành chính tỉnh Ninh Thuận.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và các thành viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Bộ Nội vụ (b/c);
- Vụ CCHC-Bộ Nội vụ (b/c);
- TT. Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Thành viên BCĐ CCHC và NCNLCT tỉnh;
- VPUB: LĐ, CV Khối NCTH;
- Lưu: VT, KGVX. NAM

CHỦ TỊCH



Lưu Xuân Vĩnh



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
NINH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC

Phân công thành viên phụ trách chấm điểm trên từng nội dung của Bộ Chỉ số cải cách hành chính của tỉnh
(Kèm theo Quyết định số 238/QĐ-UBND ngày 12/02/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

| Stt | Tiêu chí/Tiêu chí thành phần | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp |
|-----|---|--------------------------------|---|
| 1 | Công tác chỉ đạo điều hành | | |
| 1.1 | Kế hoạch CCHC | Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh | Sở Nội vụ |
| 1.2 | Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ | | Sở Nội vụ Sở Tư pháp Sở Thông tin và Truyền thông |
| 1.3 | Công tác kiểm tra CCHC | | Sở Nội vụ |
| 1.4 | Công tác tuyên truyền CCHC | | Sở Nội vụ |
| 1.5 | Sáng kiến/giải pháp mới trong CCHC | | Sở Nội vụ |
| 1.6 | Thực hiện các nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao | | - |
| 2 | Xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật tại tỉnh | Sở Tư pháp | - |
| 3 | Cải cách thủ tục hành chính | Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh | Sở Tư pháp |

| Stt | Tiêu chí/Tiêu chí thành phần | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp |
|-----|--|------------------------------|------------------|
| 4 | Cải cách tổ chức bộ máy hành chính | Sở Nội vụ | - |
| 5 | Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức | | - |
| 6 | Cải cách tài chính công | Sở Tài chính | - |
| 7 | Hiện đại hóa hành chính | Sở Thông tin và Truyền thông | - |
| 7.1 | Ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) của tỉnh | | - |
| 7.2 | Cung cấp dịch vụ công trực tuyến | | - |
| 7.3 | Thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích (BCCI) | | - |
| 7.4 | Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng (ISO 9001) theo quy định | Sở Khoa học và Công nghệ | - |
| 8 | Tác động của CCHC đến người dân, tổ chức và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh | | |
| 8.2 | Mức độ thu hút đầu tư của tỉnh | Sở Kế hoạch và Đầu tư | - |